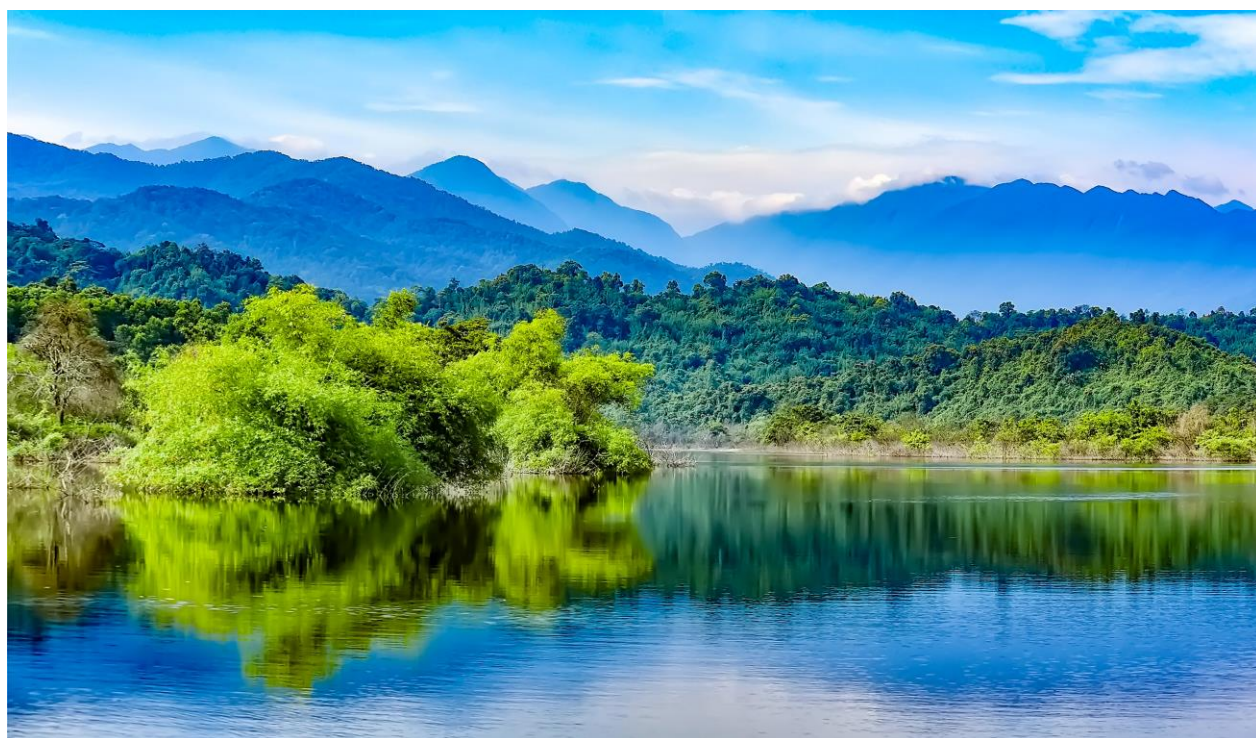


SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH
VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG



ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TẠI
VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030



Hà Tĩnh, 2025

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	2
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC CÁC BẢNG	8
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH	9
MỞ ĐẦU	10
1. Sự cần thiết của Đề án	10
2. Nguyên tắc phát triển du lịch	12
CHƯƠNG 1 ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI VQG VŨ QUANG	14
1.1 Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên	14
1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích	14
1.1.2. Địa hình và địa chất	14
1.1.3. Khí hậu và mùa du lịch	16
1.1.4. Thủy Văn	17
1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất	18
1.1.6. Diện tích rừng	22
1.1.7. Đa dạng sinh học:	40
1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên	43
1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa	47
1.2.1. Dân sinh	47
1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội:	49
1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa:	53
1.3. Giao thông	60
1.3.1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực	60
1.3.2. Hệ thống giao thông đường thủy	61
1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch	61
1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực	61
1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	63
1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch	65
1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến và chương trình du lịch tại VQG	67
1.4.5. Đầu tư du lịch tại VQG	67
1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển DLST ở VQG	67
1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá	69
1.4.8. Hiện trạng sự tham gia cộng đồng	69
1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch	69
1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch	70

1.4.11. Kết quả hoạt động kinh doanh	70
CHƯƠNG 2 NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TẠI VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG GIAI ĐOẠN 2025-2030	72
2.1. Căn cứ xây dựng Đề án	72
2.1.1. Căn cứ pháp lý.....	72
2.1.2. Cơ sở khoa học và thực tiễn.....	78
2.2. Định hướng phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại VQG Vũ Quang.....	95
2.2.1. Định hướng phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch	95
2.2.2. Định hướng phát DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại VQG Vũ Quang giai đoạn 2025 – 2030	97
2.3. Mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển	103
2.3.1. Mục tiêu	103
2.3.2. Các chỉ tiêu phát triển.....	104
2.4. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025-2030.....	104
2.4.1. Từ chính sách	104
2.4.2. Từ các cộng đồng và công ty du lịch	107
2.4.3. Từ nội tại VQG Vũ Quang	108
2.4.4. Các yếu tố khác	109
2.5. Nội dung phát triển các địa điểm, tuyến DLST, nghỉ dưỡng và giải trí giai đoạn 2025-2030.....	111
2.5.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch.....	111
2.5.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch.....	138
2.6. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện	144
2.6.1 Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư (giai đoạn 2025 – 2030) và phương án huy động vốn.....	144
2.6.2. Các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện.....	157
2.6.3 Quy mô công trình.....	158
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ VQG VŨ QUANG	168
3.1. Giải pháp về bảo vệ môi trường, quản lý bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.....	168
3.1.1. Giải pháp bảo vệ rừng và ĐDSH	168
3.1.2. Giải pháp về bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng	168
3.1.3. Giải pháp về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường.....	169
3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý.....	170
3.3. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch	171

3.4. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch	172
3.5. Nhóm giải pháp phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	172
3.5.1. Các loại hình du lịch.....	172
3.5.2. Các sản phẩm và dịch vụ du lịch.....	173
3.6. Nhóm giải pháp về đầu tư du lịch	173
3.6.1. Đối với hình thức Hợp tác, liên kết.....	174
3.6.2. Đối với hình thức cho thuê môi trường rừng	174
3.7. Giải pháp về huy động nguồn vốn	175
3.8. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch	175
3.8.1. Về quản lý Nhà nước	175
3.8.2. Phối hợp, kết nối du lịch trong và ngoài tỉnh	176
3.9. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch	176
3.10. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa	177
3.11. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục.....	178
3.12. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch....	179
3.12.1. Giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự	179
3.12.2. Giải pháp đảm bảo an toàn, cứu hộ, cứu nạn.....	179
3.13. Nhóm giải pháp về chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh	180
CHƯƠNG 4_TỔ CHỨC THỰC HIỆN,QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN	181
4.1. Tổ chức thực hiện.....	181
4.1.1. Vườn Quốc gia Vũ Quang	181
4.1.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường	182
4.1.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	182
4.1.4. Sở Tài chính	183
4.1.5. Sở Xây dựng.....	183
4.1.6. Sở Khoa học và Công nghệ	183
4.1.7. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Tĩnh.....	184
4.1.8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Tĩnh	184
4.1.9. Công an tỉnh Hà Tĩnh	184
4.1.10. UBND các huyện Vũ Quang, Hương Sơn và Hương Khê.....	184
4.1.11. Nhà đầu tư thuê môi trường rừng, liên doanh liên kết	185
4.2. Tổ chức giám sát các hoạt động DLST, nghỉ dưỡng	185
4.2.1 Tổ chức giám sát thường xuyên.....	185
4.2.2 Tổ chức giám sát định kỳ.....	185
4.3. Hiệu quả của Đề án	186
4.3.1. Hiệu quả kinh tế	186

4.3.2. Hiệu quả văn hóa xã hội	186
4.3.3. Hiệu quả bảo vệ môi trường	187
CHƯƠNG 5 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	189
5.1. Kết luận.....	189
5.2. Kiến nghị.....	189
PHỤ LỤC	190

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BTVH	Bảo tồn văn hóa
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
BQL	Ban quản lý
BVMT	Bảo vệ môi trường
BVR	Bảo vệ rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DSVH	Di sản văn hóa
DLST	Du lịch sinh thái
DSTN	Di sản thiên nhiên
DSVHTG	Di sản văn hóa thế giới
NN&PTNN	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
NĐT	Nhà đầu tư
SPDL	Sản phẩm du lịch
SPVHDL	Sản phẩm văn hóa du lịch
SPDVDL	Sản phẩm dịch vụ du lịch
SPTN	Sản phẩm tự nhiên
SPVH	Sản phẩm văn hóa
SPDVKH	Sản phẩm dịch vụ khoa học
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn Quốc Gia
VHDL	Văn hóa du lịch
VHTT&DL	Văn hóa Thể thao và Du lịch
KHCN	Khoa học công nghệ
KTDL	Kinh tế du lịch

RĐD	Rừng đặc dụng
RPH	Rừng phòng hộ
RSX	Rừng sản xuất
NLXH	Nguồn lực xã hội

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất VQG Vũ Quang	19
Bảng 2. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp VQG Vũ Quang	23
Bảng 3. Hiện trạng các phân khu chức năng của ban quản lý	26
Bảng 4. Thống kê các nhóm LSNG tại VQG Vũ Quang.....	31
Bảng 5. Dân số và lao động các xã vùng đệm của VQG Vũ Quang	48
Bảng 6. Thống kê diện tích canh tác bình quân của hộ gia đình thuộc các xã thuộc vùng đệm của VQG Vũ Quang	50
Bảng 7. Thống kê thu nhập bình quân trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp	51
Bảng 8. Định hướng phát triển loại hình, sản phẩm du lịch tại VQG Vũ Quang tổ chức khai thác	96
Bảng 9. Tổng hợp các điểm DLST tại VQG Vũ Quang ưu tiên phát triển	111
Bảng 10. Khái toán danh mục các Dự án đầu tư	142
Bảng 11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện giai đoạn 2025 - 2023	154
Bảng 12. Bảng quy mô công trình	155
Bảng 13. Diện tích mặt bằng sử dụng dự kiến của các công trình tại Điểm du lịch	156

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1. Khe Rào Ròng	43
Hình 2. Thác Thang Đày	44
Hình 3 Khe Nam Châm	44
Hình 4. Bãi Tu Kỳ (Trại Cưa)	45
Hình 5. Đèn thờ Cụ Phan Đình Phùng.....	45
Hình 6. Hệ sinh thái thủy vực lòng Hồ Ngàn Trươi	46
Hình 7. Hồ Đá Hàn.....	46
Hình 8. Sơ đồ tổ chức VQG Vũ Quang	60
Hình 9. Cá thể Pơ mu 1064 năm tuổi.....	64
Hình 10. Du thuyền trên lòng Hồ Ngàn Trươi	64
Hình 11. Đỉnh Rào Cỏ 2.286m	65
Hình 12. Khu nghỉ dưỡng Amanoi – Ninh Thuận.....	91
Hình 13. Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay – Nha Trang	91
Hình 14. Khu nghỉ dưỡng Melia Ba Vì – Hà Nội	92

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của Đề án

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. Có khá nhiều loại hình du lịch sinh thái đã được nước ta và các nước trên thế giới khai thác như: Du lịch xanh, du lịch dã ngoại, du thuyền trên sông, hồ, trên biển; du lịch thiên nhiên, tham quan miệt vườn, làng bản; du lịch môi trường; du lịch thám hiểm, mạo hiểm, lặn biển, thăm hang động...

Nhìn thấy được tiềm năng của các khu rừng đặc dụng (các Vườn Quốc gia, khu bảo tồn Thiên nhiên), năm 2014 Chính phủ đã ban hành Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, trong đó khuyến khích phát triển các hoạt động du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng, phòng hộ nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị tự nhiên, tăng nguồn tài chính cho công tác bảo vệ rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế của cộng đồng. Cụ thể hơn, năm 2017 Quốc hội đã thông qua Luật Lâm nghiệp và Chính phủ ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP. Luật và Nghị định đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng cho việc phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các khu rừng đặc dụng và phòng hộ.

Vườn Quốc gia (VQG) Vũ Quang được thành lập năm 2002 theo Quyết định số 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/7/2002 trên cơ sở nâng hạng từ Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang được thành lập từ năm 1994. VQG Vũ Quang được biết đến là một trung tâm đa dạng sinh học bậc nhất của Việt Nam, nơi đây lưu giữ nhiều nguồn gen rất có giá trị cho công tác bảo tồn. VQG nằm trong một vùng sinh thái có mức độ ưu tiên toàn cầu được xác định là cực kỳ quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học cho cả khu vực thuộc dãy Trường Sơn. Với các giá trị về đa dạng sinh học và vai trò to lớn trong công tác bảo tồn, cuối năm 2019 VQG Vũ Quang chính thức được Hiệp hội Vườn Di Sản Đông Nam Á (AHP) công nhận là “Vườn di sản ASEAN” với tổng diện tích được giao quản lý là 57.029,84 ha, trong đó rừng đặc dụng 52.733,13 ha, rừng phòng hộ 3.688,85 ha và rừng sản xuất là 607,86 ha. Việc công nhận danh hiệu Vườn Di sản ASEAN góp phần quan trọng đối với công tác bảo tồn các hệ sinh thái không chỉ có đa dạng sinh học cao mà còn có giá trị văn hóa, lịch sử đối với từng quốc gia và cả khu vực. Đồng thời góp phần nâng cao nhận thức bảo tồn đa dạng sinh học của người dân các nước ASEAN.